

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa:

+ Nguyên đơn: **Bà Trần Huỳnh Nhật T** – sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường P, thành phố Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bị đơn: **Ông Nguyễn H** – sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Thôn K, xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13/6/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Huỳnh Nhật T và ông Nguyễn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà T đồng ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Trần Kiều A – sinh ngày: 06/9/2023 và Nguyễn Trần Khải A1 – sinh ngày: 06/9/2023. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 6.000.000^d (Sáu triệu đồng), kể từ tháng 7/2025 cho đến khi cháu Nguyễn Trần Kiều A và cháu Nguyễn Trần Khải A1 đủ 18 tuổi và lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Huỳnh Nhật T đồng ý chịu 150.000^d (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0004032 ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- THA huyện Ninh Hải;
- VKS huyện Ninh Hải;
- UBND xã Nhơn Hải;
- Lưu (AV, HS).

THẨM PHÁN

Vân Thị Thu Sang